

CÔNG TY TNHH MTV MPP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV MPP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110545951

3. Ngày thành lập: 17/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12 ngõ 32/84/27 Đường Đỗ Đức Dục, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902309988

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng bạc, đá quý)	4662

11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663(Chính)
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
16.	Quảng cáo	7310
17.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác.	7710
18.	Bán buôn tổng hợp	4690
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)	4719
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
25.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
26.	In ấn	1811
27.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
28.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
32.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
33.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812

34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
35.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Bốc xếp hàng hóa	5224
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
46.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; - Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
49.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
52.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
53.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
54.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
55.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

56.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Xây dựng nhà không để ở	4102
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình điện	4221
61.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
62.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
63.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
64.	Xây dựng công trình thủy	4291
65.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
66.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Phá dỡ	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
72.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
73.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

